

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư đợt 6 năm 2026
- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm vật tư đợt 6 năm 2026
- Địa điểm: Số 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm cả thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nội dung kỹ thuật (nộp kèm E-HSDT) phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong E-HSMT.

Hàng hóa phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

Thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu phải đáp ứng toàn bộ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc có thông số kỹ thuật cao hơn, tốt hơn yêu cầu (đặc tính thông số kỹ thuật của E-HSMT là yêu cầu tối thiểu).

*** Nhà thầu phải khảo sát hệ thống hiện trạng để đảm bảo mặt hàng cung cấp phù hợp với vận hành hiện nay của HueWACO**

Các cam kết:

- Các hàng hóa cung cấp cho gói thầu đảm bảo phù hợp với vận hành hiện nay của HueWACO.
- Cung cấp các tài liệu kỹ thuật kỹ thuật đi kèm phải đầy đủ, chi tiết và bao gồm: Hướng dẫn vận hành, hướng dẫn sửa chữa của hãng sản xuất (nếu tài liệu cung cấp bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch bằng tiếng Việt kèm theo).
- Thời gian hàng hóa cung cấp cho gói thầu được sử dụng và lưu hành trên thị trường phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm.
- Hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai nguyên kiện.
- Đổi trả và cung cấp lại hàng mới 100% theo đúng yêu cầu của E-HSMT nếu hàng hóa không đạt yêu cầu.
- Chịu trách nhiệm toàn bộ chi phí, rủi ro trong quá trình vận chuyển hàng hóa đến nơi giao hàng.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên vật tư / Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Đồng hồ DN15	Hàng mới 100 %. Sản xuất năm 2025 trở đi. Đồng hồ đạt chứng nhận quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015, chứng chỉ OIML. Đặc điểm: Đường kính danh định DN: 15 mm. Nguyên lý truyền chuyển động: Vòng quay của cánh

STT	Tên vật tư / Thiết bị	Thông số kỹ thuật
		quạt truyền đến hộp số nhờ cặp nam châm. Kích thước: Kết nối ren: G3/4. Chiều dài đồng hồ: 165 mm, ± 01 mm (không kể đầu nối). Chiều cao: 94 mm, ± 05 mm. Trọng lượng đồng hồ: 0,83 kg, $\pm 0,01$ kg. Thân làm bằng hợp kim đồng đúc. Cánh quạt làm bằng nhựa và nam châm. Mặt hiển thị: Mặt số khô toàn phần, cách biệt hoàn toàn với nước. Mặt đồng hồ bằng thủy tinh dạng thấu kính, có khả năng đọc số dễ dàng. Mặt số có thể xoay tròn đến 270°. Có bộ phận chỉ thị báo nước chảy. Lưu lượng khởi động: ≤ 7 lít/h. Phạm vi hiển thị: Hiển thị nhỏ nhất: $\leq 0,05$ lít. Hiển thị lớn nhất: ≥ 9.999 m³. Áp lực làm việc cực đại 10 Bar. Thông số cơ bản: Qn: 1.500 l/h. Qt: 22,5 l/h. Qmin: 15 l/h. Qmax: 3 m³/h. Bảo hàng 01 năm kể từ ngày giao hàng. Đồng hồ chưa bao gồm kiểm định, không bao gồm rắc co và van 01 chiều
2	Van bướm vô lăng MB DN800 PN10.	Hàng mới 100 %. Sản xuất năm 2025 trở đi. Tiêu chuẩn chế tạo theo tiêu chuẩn EN 1074-1, EN 1074-2, EN 593. Van đạt chứng nhận quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Đặc điểm: Van bướm lá lật đường kính: D800. Kiểu van: Van bướm 02 mặt bích lệch tâm kép. Áp lực làm việc: PN10. Mặt bích tiêu chuẩn: PN10. Khoảng cách giữa 02 mặt bích (lắp ống) theo tiêu chuẩn EN 558 serie 14. Kích thước mặt bích: Tiêu chuẩn EN 1092-2. Đóng theo chiều kim đồng hồ. Vỏ và hộp số lớp bảo vệ IP 68.

STT	Tên vật tư / Thiết bị	Thông số kỹ thuật
		Thân, đĩa van được làm bằng Gang dẻo EN-GJS-400-15. Trục van được làm bằng Thép không gỉ. Gioăng làm kín giữa đĩa van và thân van được làm bằng cao su EPDM tiêu chuẩn EN681. Van được thử áp lực theo tiêu chuẩn EN12266 tại nhà máy trước khi xuất xưởng. Chứng nhận an toàn thực phẩm: KIWA. Sơn epoxy màu xanh 02 lớp với độ dày tối thiểu 250 µm theo EN14901 Đĩa van lệch tâm, thiết kế vòng bi tự do trung bình, trục đĩa kín, ống lót bằng đồng không cần bảo trì, với nhiều vòng đệm chữ O và các kết nối có khóa. Hộp số có lớp bảo vệ IP68-6, hộp số có thể lắp trực tiếp với van bướm mà không cần adapter Bảo hành 10 năm kể từ ngày giao hàng.
3	Van bướm vô lăng MB DN500 PN10.	Hàng mới 100 %. Sản xuất năm 2025 trở đi. Tiêu chuẩn chế tạo theo tiêu chuẩn EN 1074-1, EN 1074-2, EN 593. Van đạt chứng nhận quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Đặc điểm: Kiểu van: Van bướm 02 mặt bích lệch tâm kép. Áp lực làm việc PN10. Khoảng cách giữa 02 mặt bích (lắp ống) theo tiêu chuẩn EN 558 serie 14. Kích thước mặt bích: Tiêu chuẩn EN 1092-2. Thân, đĩa van được làm bằng gang dẻo EN-GJS-400-15. Trục van được làm bằng thép không gỉ. Gioăng làm kín giữa đĩa van và thân van được làm bằng cao su EPDM tiêu chuẩn EN681. Van được thử áp lực theo tiêu chuẩn EN12266 tại nhà máy trước khi xuất xưởng. Chứng nhận an toàn thực phẩm: KIWA. Sơn epoxy màu xanh 02 lớp với độ dày tối thiểu 250 µm theo EN14901. Đĩa van lệch tâm, thiết kế vòng bi tự do trung bình, trục đĩa kín, ống lót bằng đồng không cần bảo trì, với nhiều vòng đệm chữ O và các kết nối có khóa. Hộp số có lớp bảo vệ IP68-6, hộp số có thể lắp trực tiếp với van bướm mà không cần adapter. - Bảo hành 10 năm kể từ ngày giao hàng.
4	Van bướm	Hàng mới 100 %.

STT	Tên vật tư / Thiết bị	Thông số kỹ thuật
	điện ON/OFF DN350 PN10.	Sản xuất năm 2025 trở đi. Tiêu chuẩn chế tạo theo tiêu chuẩn EN 1074-1, EN 1074-2, EN 593. Van đạt chứng nhận quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Đặc điểm: Kiểu van: Van bướm 02 mặt bích lệch tâm kép. Áp lực làm việc PN10. Khoảng cách giữa 02 mặt bích (lắp ống) theo tiêu chuẩn EN 558 serie 14. Kích thước mặt bích: Tiêu chuẩn EN 1092-2. Thân, đĩa van được làm bằng gang dẻo EN-GJS-400-15 Trục van được làm bằng thép không gỉ. Gioăng làm kín giữa đĩa van và thân van được làm bằng cao su EPDM tiêu chuẩn EN681. Van được thử áp lực theo tiêu chuẩn EN12266 tại nhà máy trước khi xuất xưởng. Chứng nhận an toàn thực phẩm: KIWA. Sơn epoxy màu xanh 02 lớp với độ dày tối thiểu 250 µm theo EN14901. Đĩa van lệch tâm, thiết kế vòng bi tự do trung bình, trục đĩa kín, ống lót bằng đồng không cần bảo trì, với nhiều vòng đệm chữ O và các kết nối có khóa. Hộp số có lớp bảo vệ IP68-6, hộp số có thể lắp trực tiếp với van bướm mà không cần adapter. Bộ truyền động Van hoạt động bằng điện. Type: SA. Điện áp cấp: 3p/400V/50Hz. Kiểu hoạt động: ON/OFF. Bộ truyền động được tích hợp: - Công tắc hành trình Đóng/Mở. - Công tắc lực Momen. - Quá nhiệt động cơ. Có điện trở sấy. Loại động cơ: Động cơ không đồng bộ AC 3 pha, loại IM B9 theo IEC 60034-7, quy trình làm mát IC410 theo IEC 60034-6. Nhiệm vụ ngắn hạn S2-15 phút Class A, B theo EN 15714-2. Cấp cách điện: Lớp cách điện: Tiêu chuẩn: F, phù hợp khu vực nhiệt đới. Cấp bảo vệ: IP68. Tiêu chuẩn chống ăn mòn: KS Thích hợp sử dụng ở những khu vực có độ mặn cao, ngưng tụ gần như vĩnh

STT	Tên vật tư / Thiết bị	Thông số kỹ thuật
		viễn và ô nhiễm cao. Đầu điện: Tiêu chuẩn: Đầu cắm, ổ cắm với kết nối kiểu vít. Van bảo hành: 10 năm kể từ ngày giao hàng. Động cơ bảo hành: 02 năm kể từ ngày giao hàng.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1 Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt, đào tạo:

- Nhà thầu phải có kế hoạch tổ chức cung cấp tất cả hàng hóa phù hợp.
- Kế hoạch, tiến độ tổ chức thực hiện:

Có kế hoạch tổ chức cung cấp hàng hóa, khả thi, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, phù hợp với thuyết minh kỹ thuật và đặc điểm gói thầu.

- Bảo hành:

+ Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế trong thời gian bảo hành kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.

+ Nhà thầu có trách nhiệm tư vấn kỹ thuật miễn phí cho Chủ đầu tư trong việc sửa chữa thay thế thiết bị trong toàn bộ quãng thời gian bảo hành, bảo trì.

+ Thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất và tối thiểu là 12 tháng tính từ lúc nghiệm thu hàng hóa.

+ Trong trường hợp nhà thầu không đáp ứng được việc bảo hành, bảo trì thì Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do Nhà thầu chịu trách nhiệm chi trả.

- Đào tạo, hướng dẫn sử dụng: Có đề xuất hợp lý, phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu.

1.3.2 Yêu cầu đối với nhà thầu:

- Nhà thầu phải tính toán và phân bổ các chi phí gồm: Chi phí trung chuyển, vận chuyển, bốc dỡ, thuế, phí, lệ phí (nếu có), dự phòng các loại..., nhà thầu cơ cấu vào đơn giá dự thầu.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải tìm hiểu và tính toán đầy đủ các chi phí và phí nêu trên để phân bổ vào trong giá dự thầu để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại; trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí nêu trên thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- - Giá dự thầu là giá trọn gói.

1.3.3 Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi Nhà thầu nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho việc nghiệm thu hoàn thành công việc.

- Nhà thầu phải tổ chức đào tạo, vận hành, hướng dẫn sử dụng thiết bị cho

Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng thành thạo toàn bộ thiết bị trước khi nghiệm thu bàn giao.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Tất cả các thiết bị, máy móc nhà thầu lắp đặt phải được vận hành thử nghiệm, đảm bảo an toàn trước khi thực hiện.
- Kiểm tra kiểu dáng, nhãn mác, hình thức hàng hóa.
- Kiểm tra thông số kỹ thuật so với các yêu cầu của E-HSMT và vận hành chạy thử.
- Cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành và bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp.
- Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng thiết bị.
- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo yêu cầu E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.